TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: **203**/2026/HNGĐ-ST Ngày 06-7-2026 *"V/v tranh chấp ly hôn"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Dương Thị Lụa
*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Trịnh Hữu Hiệp
Ông Trịnh Thanh Trần

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau.

Ngày 06 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Chem Văn T, sinh năm 1993. Căn cước số: 096093015169, cấp ngày 14/8/2021 (có mặt).

Địa chỉ trước ngày 1/7/2026: Ấp C, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Hứa Thị G, sinh năm 1993. Chứng minh nhân dân số: 381715658, cấp ngày 13/01/2011 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ trước ngày 1/7/2026: Ấp H, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Chem Văn T trình bày:*

Ông và bà Hứa Thị G tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là UBND xã T, tỉnh Cà Mau) theo giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 14/5/2021. Sau khi cưới vợ chồng chung sống có 01 con chung nhưng thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cự cãi, ông không chăm lo cho cuộc sống gia đình vợ chồng, trước khi cưới ông có nợ bên ngoài làm ảnh hưởng đến cuộc sống của vợ con. Hiện tại ông không còn thương vợ nên yêu cầu ly hôn với bà Hứa Thị G.

- Về con chung: Ông Chem Văn T và bà Hứa Thị Giàu C 01 người con chung tên Chem Hứa Uyên T1, sinh ngày 08/11/2022. Hiện tại con đang chung sống với bà G. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà G nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại biên bản hoà giải ngày 11 tháng 5 năm 2026, bị đơn bà Hứa Thị G trình*

bày:

- Về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống là đúng nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn là không có giữa vợ chồng trong thời gian chung sống có xảy ra cự cãi nhưng không đến mức phải ly hôn. Vợ chồng vẫn chung sống với nhau và sinh hoạt bình thường. Bà vẫn còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn với ông Chem Văn T.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Chem Hứa Uyên T1, sinh ngày 08/11/2022. Hiện đang sống chung với bà nếu ly hôn thì bà đồng ý tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Hứa Thị G đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên toà sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên toà. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà G theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Chem Văn T và bà Hứa Thị G tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà G là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Ông T yêu cầu được ly hôn với bà G do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn, tại phiên toà ông T xác định nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông thì ông và bà G cũng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Bà G không đồng ý ly hôn với ông T nhưng không có biện pháp tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện ở việc ông T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với bà Hứa Thị G. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà G đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[3]. Về con chung: Ông Chem Văn T và bà Hứa Thị G xác định có 01 con chung tên Chem Hứa Uyên T1, sinh ngày 08/11/2022. Khi ly hôn ông T đồng ý giao con chung cho bà G nuôi dưỡng, bà G cũng yêu cầu được nuôi con chung nếu ly hôn nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hứa Thị G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Chem Văn T và bà Hứa Thị G xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét xem xét.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Ông Chem Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81,

Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Chem Văn T. Ông Chem Văn T được ly hôn với bà Hứa Thị G.

2. Về con chung: Giao con chung tên Chem Hứa Uyên T1, sinh ngày 08/11/2022 cho bà Hứa Thị G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Chem Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Ông Chem Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Ông T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004057 ngày 09/4/2026 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cà Mau chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cà Mau;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Lụa